

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2021**



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021	05 – 20
5. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	21

N. C.
DI
H.
THA

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		908.337.097.395	919.056.191.206
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	87.899.838.985	81.458.070.905
111	1. Tiền		57.899.838.985	81.458.070.905
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		144.016.257.060	262.220.727.553
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	96.758.983.140	101.984.748.261
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.146.509.611	6.397.848.601
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	39.128.053.804	154.855.420.186
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(1.017.289.495)	(1.017.289.495)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	656.579.675.839	564.175.014.480
141	1. Hàng tồn kho		659.035.927.116	566.631.265.757
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.456.251.277)	(2.456.251.277)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.841.325.511	11.202.378.268
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	4.560.708.829	5.914.343.061
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		15.021.150.129	5.068.835.966
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	259.466.553	219.199.241
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		362.458.430.494	313.314.027.844
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.340.424.095	4.569.736.350
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		3.882.687.825	4.332.000.080
216	3. Phải thu dài hạn khác		2.457.736.270	237.736.270
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		280.864.668.105	248.545.724.097
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	268.404.426.504	235.581.575.469
222	- Nguyên giá		375.140.450.460	335.119.555.605
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(106.736.023.956)	(99.537.980.136)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	12.460.241.601	12.964.148.628
228	- Nguyên giá		17.938.696.169	17.938.696.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.478.454.568)	(4.974.547.541)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		31.966.062.857	14.825.892.859
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31.966.062.857	14.825.892.859
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		43.287.275.437	45.372.674.538
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	10.185.211.066	9.033.796.541
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		85.530.954	177.912.826
269	3. Lợi thế thương mại	V.9	33.016.533.417	36.160.965.171
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.270.795.527.889	1.232.370.219.050

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		671.198.380.237	697.068.783.129
310	I. Nợ ngắn hạn		667.534.898.174	693.391.627.386
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	44.099.276.483	38.494.454.406
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	156.592.396.436	99.949.707.833
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	3.218.172.129	24.267.676.922
314	4. Phải trả người lao động		12.665.298.222	18.239.115.300
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		5.668.494.096	6.454.318.571
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		3.547.650.966	6.010.478.763
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	441.743.609.842	499.975.875.591
330	II. Nợ dài hạn		3.663.482.063	3.677.155.743
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.663.482.063	3.677.155.743
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		599.597.147.652	535.301.435.921
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.14	599.597.147.652	535.301.435.921
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		477.669.820.000	367.443.990.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		477.669.820.000	367.443.990.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		524.927.236	(30.000.000)
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(2.234.667.764)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		116.852.880.867	165.874.019.186
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		55.648.189.186	41.053.343.180
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		61.204.691.681	124.820.676.006
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		4.549.519.549	4.248.094.499
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.270.795.527.889	1.232.370.219.050

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2021



Chủ tịch HĐQT

ĐO TIẾN DŨNG

00
G
PH
VỤ
X
r.t

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	ĐVT: VND						
			Quý 2 năm 2021	Quý 2 năm 2020	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2020	7		
1	2	3	4	5	6	7			
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL1	1.250.300.879.915	1.089.404.363.300	2.686.502.657.907	2.009.506.833.685			
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL2	1.250.300.879.915	1.089.404.363.300	2.686.502.657.907	2.009.506.833.685			
11	4. Giá vốn hàng bán		1.206.947.423.885	1.044.799.090.438	2.531.515.723.984	1.916.187.984.515			
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.353.456.030	44.605.272.862	154.986.933.923	93.318.849.170			
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VL3	129.634.639	208.195.607	162.737.604	2.513.208.893			
22	7. Chi phí tài chính		3.321.800.830	13.756.082.763	8.053.981.645	26.848.516.028			
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.321.800.830	13.755.389.346	8.044.169.571	26.772.609.668			
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-			
25	9. Chi phí bán hàng	VL4	28.474.440.281	20.594.839.374	58.005.482.988	45.745.574.904			
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VL5	12.287.246.999	10.218.535.519	24.637.288.242	24.292.496.469			
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(600.397.421)	244.010.813	64.452.918.652	(1.054.529.338)			
31	12. Thu nhập khác		8.264.269.711	10.801.255.962	13.422.860.427	16.839.959.436			
32	13. Chi phí khác		4.318.298	76.127.844	214.812.917	126.302.579			
40	14. Lợi nhuận khác		8.259.951.413	10.725.128.118	13.208.047.510	16.713.656.857			
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.659.553.992	10.969.138.931	77.660.966.162	15.659.127.519			
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.817.446.487	2.009.796.218	16.076.141.239	3.373.641.669			
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(99.204.634)	812.320.208	78.708.192	988.369.577			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.941.312.139	8.147.022.505	61.506.116.731	11.297.116.273			
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		5.811.229.992	8.319.557.490	61.204.691.681	11.663.616.039			
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		130.082.147	(172.534.985)	301.425.050	(366.499.766)			
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VL7	155	227	1.631	319			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2021


Kế toán trưởng

Người lập biểu


 NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

TRẦN KHÔI NGUYỄN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2020
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		77.660.966.162	15.659.127.519
	2. Điều chỉnh cho các khoản		12.289.730.512	40.650.705.146
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		15.685.845.246	20.509.141.459
03	- Các khoản dự phòng		(68.368.400)	421.697.973
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.371.915.905)	(7.052.743.954)
06	- Chi phí lãi vay	VI.3	8.044.169.571	26.772.609.668
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		89.950.696.674	56.309.832.665
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		166.762.177.647	195.792.734.848
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(92.475.743.673)	(34.793.061.908)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(17.054.885.252)	19.391.649.286
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		202.219.707	3.752.426.024
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.044.169.571)	(26.772.609.668)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.167.351.244)	(3.902.571.116)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		115.172.944.288	209.778.400.131
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(232.093.970.335)	(141.141.187.383)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		178.642.727.272	209.762.963.635
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		162.737.604	236.776.431
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(53.288.505.459)	68.858.552.683
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.789.595.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.846.967.264.648	1.934.699.758.939
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.905.199.530.397)	(2.158.683.449.201)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(54.526.819.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(55.442.670.749)	(278.510.509.762)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		6.441.768.080	126.443.052
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	81.458.070.905	109.639.410.844
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	87.899.838.985	109.765.853.896

CHỖ ĐÓNG CHỮ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2021

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HÀNG



ĐỖ TIẾN ĐÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cài tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 02 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**Công ty con bao gồm:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
02	Công ty CP SX Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	94,38%	94,38%	94,38%	94,38%	94,38%	94,38%

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30/06/2021 Tập đoàn có 622 nhân viên, tại ngày đầu năm có 619 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)**

HÀNH
M.S.D.A.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

03/06/2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

200
NG
PH
VỤ
GX
1-T

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	5.052.049.778	7.381.127.873
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.847.789.207	74.076.943.032
- Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	
Cộng	<u>87.899.838.985</u>	<u>81.458.070.905</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>96.758.983.140</i>	<i>101.984.748.261</i>
- Các khách hàng khác	96.758.983.140	101.984.748.261
Cộng	<u>96.758.983.140</u>	<u>101.984.748.261</u>

30
 Ô
 Ô
 CH
 N
 VH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-	-	-
<i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i>	39.128.053.804	-	154.855.420.186	-
- Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam	36.146.059.807	-	150.412.089.825	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.981.993.997	-	4.443.330.361	-
Cộng	39.128.053.804	-	154.855.420.186	-

4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu thương mại</i>				
- Các đối tượng khác	1.060.164.875	42.875.380	1.060.164.875	42.875.380
Cộng	1.060.164.875	42.875.380	1.060.164.875	42.875.380

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	77.124.242.021	(2.456.251.277)	69.629.067.800	(2.456.251.277)
- Công cụ, dụng cụ	265.552.361	-	272.722.092	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.470.505.858	-	10.592.838.129	-
- Hàng hóa	575.175.626.876	-	486.136.637.736	-
Cộng	659.035.927.116	(2.456.251.277)	566.631.265.757	(2.456.251.277)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	729.211.785	652.630.044
- Phí bảo hiểm	283.715.032	409.562.018
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.547.782.012	4.852.150.999
Cộng	4.560.708.829	5.914.343.061

6b. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Sửa chữa văn phòng	5.798.853.738	5.502.302.307
- Công cụ, dụng cụ	1.869.858.605	1.811.631.461
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.516.498.723	1.719.862.773
Cộng	10.185.211.066	9.033.796.541

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	93.969.669.228	30.853.693.593	202.937.719.450	4.894.645.762	2.463.827.572	335.119.555.605
Tăng trong kỳ	898.795.668	1.076.886.757	216.381.727.021	46.867.000	76.913.100	218.481.189.546
Giảm trong kỳ	-	-	(178.446.332.786)	(13.961.905)	-	(178.460.294.691)
Số cuối kỳ	<u>94.868.464.896</u>	<u>31.930.580.350</u>	<u>240.873.113.685</u>	<u>4.927.550.857</u>	<u>2.540.740.672</u>	<u>375.140.450.460</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	61.424.686.797	22.987.041.898	8.940.565.536	4.158.806.500	2.026.880.405	99.537.980.136
Khấu hao trong kỳ	3.831.254.673	1.684.706.915	9.903.807.759	245.773.223	72.178.092	15.737.720.662
Giảm trong kỳ	-	-	(8.525.714.937)	(13.961.905)	-	(8.539.676.842)
Số cuối kỳ	<u>65.255.941.470</u>	<u>24.671.748.813</u>	<u>10.318.657.358</u>	<u>4.390.617.818</u>	<u>2.099.058.497</u>	<u>106.736.023.956</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	32.544.982.431	7.866.651.695	193.997.154.914	735.839.262	436.947.167	235.581.575.469
Số cuối kỳ	<u>29.612.523.426</u>	<u>7.258.831.537</u>	<u>230.554.456.327</u>	<u>536.933.039</u>	<u>441.682.175</u>	<u>268.404.426.504</u>

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.292.279.369	17.938.696.169
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>8.848.836.800</u>	<u>2.797.580.000</u>	<u>6.292.279.369</u>	<u>17.938.696.169</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	736.696.053	4.237.851.488	4.974.547.541
Khấu hao trong kỳ	-	27.975.798	475.931.229	503.907.027
Số cuối kỳ	-	<u>764.671.851</u>	<u>4.713.782.717</u>	<u>5.478.454.568</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.060.883.947	2.054.427.881	12.964.148.628
Số cuối kỳ	<u>8.848.836.800</u>	<u>2.032.908.149</u>	<u>1.578.496.652</u>	<u>12.460.241.601</u>

9. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM	36.160.965.171	-	(3.144.431.754)	33.016.533.417
Cộng	<u>36.160.965.171</u>		<u>(3.144.431.754)</u>	<u>33.016.533.417</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	44.099.276.483	38.494.454.406
- Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam	31.890.473.795	19.544.422.683
- Các nhà cung cấp khác	12.208.802.688	18.850.031.723
Cộng	44.099.276.483	38.494.454.406

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	72.640.215	-	13.604.522.420	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.655.628.492	4.465.499	10.597.634.674	4.465.499
- Thuế thu nhập cá nhân	81.324.444	74.801.897	65.519.828	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	408.578.978	180.199.157	-	214.733.742
Cộng	3.218.172.129	259.466.553	24.267.676.922	219.199.241

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	77.660.966.162
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	
+ <i>Phân bổ Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất</i>	3.144.431.754
- Các khoản điều chỉnh giảm	
+ <i>Dự phòng khoản đầu tư vào công ty bị loại trừ do hợp nhất</i>	(68.368.400)
+ <i>Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất</i>	413.455.574
Thu nhập chịu thuế	80.460.310.742
Lỗi các năm trước được chuyển sang	(79.604.546)
Thu nhập tính thuế	80.380.706.196
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế TNDN nộp theo thu nhập tính thuế trong kỳ	16.076.141.239
Thuế TNDN truy thu các năm trước	149.203.823
Tổng Thuế TNDN phải nộp	16.225.345.062

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	441.743.609.842	441.743.609.842	499.975.875.591	499.975.875.591
Cộng	441.743.609.842	441.743.609.842	499.975.875.591	499.975.875.591

14. Vốn chủ sở hữu**14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	108.586.840.000	22,73	83.528.340.000	22,73
- Bà Vũ Thị Hạnh	83.890.240.000	17,56	64.530.960.000	17,56
- Các cổ đông khác	285.192.740.000	59,71	219.384.690.000	59,71
Cộng	477.669.820.000	100,00	367.443.990.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ còn phải góp
	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ đã góp	
Cộng	477.669.820.000	477.669.820.000	-

14c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	367.443.990.000	367.443.990.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	110.225.830.000	-
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	477.669.820.000	367.443.990.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã trích (bằng tiền)</i>	-	(54.915.193.500)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã trích (bằng cổ phiếu)</i>	(110.225.830.000)	



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**14d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	47.766.982	36.744.399
- Cổ phiếu phổ thông	47.766.982	36.744.399
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	(134.270)
- Cổ phiếu phổ thông	-	(134.270)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.766.982	36.610.129
- Cổ phiếu phổ thông	47.766.982	36.610.129
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu kinh doanh xe	2.502.708.576.903	1.824.538.557.959
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	179.187.018.443	179.585.259.794
- Doanh thu hoạt động khác	4.716.978.637	5.383.015.932
Cộng	<u>2.686.502.657.907</u>	<u>2.009.506.833.685</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn kinh doanh xe	2.380.115.516.556	1.751.530.915.090
- Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	147.519.831.310	157.775.289.045
- Giá vốn hoạt động khác	3.880.376.118	6.881.780.380
Cộng	<u>2.531.515.723.984</u>	<u>1.916.187.984.515</u>

3. Chi phí tài chính

Chủ yếu là chi phí lãi vay

4. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	23.798.172.059	17.407.847.961
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.676.586.379	10.576.465.614
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và bằng tiền khác	25.530.724.550	17.761.261.329
Cộng	<u>58.005.482.988</u>	<u>45.745.574.904</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	13.433.512.743	13.963.730.986
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.595.659.818	1.579.246.572
- Chi phí lợi thế thương mại	3.144.431.754	3.144.431.754
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	6.463.683.927	5.605.087.157
Cộng	24.637.288.242	24.292.496.469

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	16.076.141.239	3.373.641.669
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	16.076.141.239	3.373.641.669

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	61.506.116.731	11.297.116.273
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(301.425.050)	366.499.766
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	61.204.691.681	11.663.616.039
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	37.515.305	36.610.129
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.631	319

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

000
IG T
PHÂN
VỤ C
: XA
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ 02/04/2021	450.000.000	750.000.000
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ 02/04/2021	615.000.000	525.000.000
- Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	525.000.000	490.000.000
- Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ 01/06/2021	70.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng	375.000.000	303.000.000
Cộng		2.035.000.000	1.980.000.000

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm từ 02/04/2021	135.000.000	135.000.000
- Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ 02/04/2021	135.000.000	135.000.000
- Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	90.000.000	90.000.000
- Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	90.000.000	90.000.000
- Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Cộng		540.000.000	540.000.000

3. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2021.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020						
Tại ngày 01/01/2020	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	95.961.582.414	4.425.350.567	465.566.225.217
Tăng trong kỳ	-	-	-	11.663.616.039	(366.499.766)	11.297.116.273
- Lợi trong kỳ	-	-	-	11.663.616.039	(366.499.766)	11.297.116.273
Giảm trong kỳ	-	-	-	(54.908.229.234)	(708.403.143)	(55.616.642.377)
- Chia cổ tức (bằng tiền)	-	-	-	(54.915.193.500)	-	(54.915.193.500)
- Anh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích do công ty con hay động thêm vốn	-	-	-	6.954.266	(708.403.143)	(701.448.877)
Tại ngày 30/06/2020	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	52.716.959.219	3.350.447.658	421.246.729.113
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2021						
Tại ngày 01/01/2021	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	165.874.019.186	4.248.094.499	535.301.435.921
Tăng trong kỳ	110.225.830.000	554.927.236	2.234.667.764	61.204.691.681	301.425.050	174.521.541.731
- Lợi trong kỳ	-	-	-	61.204.691.681	301.425.050	61.506.116.731
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
- Bổ sung từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	110.225.830.000	-	2.234.667.764	-	-	2.789.595.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(110.225.830.000)	-	(110.225.830.000)
Tại ngày 30/06/2021	477.669.820.000	524.927.236	-	116.852.880.867	4.549.519.549	599.597.147.652

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN



Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2021

Chủ tịch HĐQT

